***Câu 1:*** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam( trang 4-5), trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung quốc ***không có*** tỉnh nào sau đây?

A.Lạng Sơn

B. Sơn La

C.Cao Bằng

D. Hà Giang.

***Câu 2:*** Về mặt tự nhiên Trung du miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là

A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình

B. chịu tác động rất lớn của biển

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ

D. chịu ảnh hưởng mạnh của mạng lưới thủy văn.

***Câu 3:*** Các dân tộc ít người ở Tây Bắc chủ yếu là

A. Tày, Nùng, Hoa, Chăm, ..

B. Thái, Mường, Dao, Mông,…

C. Gia-rai, Cơ-ho, Ê-đê, Mạ,…

D. Mông, Dao, Giáy, Lự,…

***Câu 4:*** Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

A. cà phê

B. chè

C. cao su

D. điều.

***Câu 5:*** Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

A. Đền Hùng

B. Tam Đảo

C. Sa Pa

D. vịnh Hạ Long

***Câu 6***: Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

A. Lào Cai, Điện Biên Phủ, Sơn La, Hòa Bình

B. Móng Cái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Kan.

C. Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn

D. Cẩm Phả, Cao Bằng, Hà Giang, Uông Bí.

***Câu 7:*** Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du miền núi Bắc Bộ là

A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản

B. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản

C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản

D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện.

***Câu 8:*** Ba cửa khẩu quan trọng nằm trên biên giới Việt - Trung theo thứ tự từ Đông sangTây là

A. Lào Cai, Móng Cái, Hữu Nghị.

B. Móng Cái, Hữu Nghị, Lào Cai.

C. Hữu Nghị, Móng Cái, Lào Cai.

D. Hữu Nghị, Lào Cai, Móng Cái.

***Câu 9.*** Thế mạnh chính về kinh tế của tiểu vùng Tây Bắc là :

A. Khai thác thuỷ năng.

B. Trồng cây công nghiệp.

C. Chăn nuôi đại gia súc.

D. Khai thác khoáng sản.

***Câu 10.*** Tiểu vùng Đông Bắc có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành :

A. Chăn nuôi trâu, bò, gia cầm.

B. Du lịch sinh thái và kinh tế biển.

C. Trồng cây công nghiệp hàng năm.

D. Cây công nghiệp, du lịch và kinh tế biển.

***Câu 11.*** Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

A. sông Hồng và sông Thái Bình

B. sông Hồng và sông Đà

C. sông Hồng và sông Cầu

D. sông Hồng và sông Lục Nam

***Câu 12.*** Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng sông Hồng là

A. than nâu, bôxít, sắt, dầu mỏ.

B. đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên

C. apatit, mangan, than nâu, đồng

D. thiếc, vàng, chì, kẽm

***Câu 13***. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

A. đất phù sa màu mỡ

B. nguồn nước mặt phong phú

C. có một mùa đông lạnh

D. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.

***Câu 14.*** Các tỉnh ***không thuộc*** đồng bằng sông Hồng là

A. Bắc Giang, Lạng Sơn

B. Thái Bình, Nam Định

C. Hà Nam, Ninh Bình

D. Bắc Ninh, Vĩnh Phúc

***Câu 15.*** Ngành công nghiệp trọng điểm ***không phải*** của Đồng bằng sông Hồng là

A. công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

B. công nghiệp khai khoáng

C. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dung

D. công nghiệp cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng

***Câu 16.*** Hai trung tâm công nghiệp hàng đầu ở Đồng bằng sông Hồng là

A. Hà Nội và Vĩnh Yên

B. Hà Nội và Hải Dương

C. Hà Nội và Hải Phòng

D. Hà Nội và Nam Định

***Câu 17.*** Trung du và miền núi Bắc Bộ trở thành vùng chuyên canh chè lớn nhất cả nước dựa vào điều kiện thuận lợi là

A. Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh, đất phe-ra-lit màu mỡ.

B. Người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất cây công nghiệp.

C. Địa hình chủ yếu là đồi núi, đất phe-ra-lit màu mỡ.

D. Công nghiệp chế biến chè rất phát triển.

***Câu 18:*** Tại sao Trung du miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về thủy điện?

A. Sông suối dài, nhiều nước.

B. Sông có độ dốc lớn, nguồn nước dồi dào.

C. Có khí hậu nóng ẩm, mưa quanh năm.

D. Có nhiều hồ tự nhiên để tích trữ nước.

***Câu 19:*** Khí hậu vùng núi Đông Bắc khác với Tây Bắc ở điểm nào?

A. Mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn.

B. Mùa đông lạnh đến sớm hơn và kết thúc muộn hơn.

C. Mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió tây, lượng mưa giảm.

D. Khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình.

***Câu 20***: Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là:

A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế.

B. Nghiêng theo hướng Tây Bắc- Đông Nam.

C. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên.

D. Có nhiều khối núi cao đồ sộ.

***Câu 21:*** Ngành dịch vụ nào là thế mạnh của trung du miền núi Bắc Bộ?

A.Tài chính ngân hàng

B.Thương nghiệp.

C. Du lịch.

D. Giáo dục, y tế.

***Câu 22:*** Vụ đông đã trở thành vụ chính của:

A. Bắc Trung Bộ

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đông Nam Bộ.

D.Tây Nguyên.

**Câu 23:** Dân số là một trong những vấn đề được đặc biệt quan tâm ở Đồng bằng sông Hồng, vì đây là nơi có:

A. Dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước.

B. Số dân nhập cư lớn nhất cả nước.

C. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao nhất cả nước.

D. Tỉ suất sinh cao nhất cả nước.

***Câu 24:*** Nguyên nhân chính khiến Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước là do:

A. Khí hậu ổn định.

B. Đất phù sa màu mỡ.

C. Trình độ thâm canh cao.

D. Nguồn nước dồi dào.

***Câu 25:*** Ngành công nghiệp nào sau đây ***không*** được coi là ngành trọng điểm của Đồng bằng sông Hồng?

A.Công nghiệp luyện kim.

B.Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

C.Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

D.Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí.

***Câu 26.*** Đặc điểm khí hậu của Đồng bằng sông Hồng có những nét tương đồng với A. Tiểu vùng Tây Bắc.

B. Tiểu vùng Đông Bắc.

C. Vùng Bắc Trung Bộ.

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

***Câu 27.*** Đồng bằng sông Hồng có thể phát triển một số cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới là do :

A. Địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ.

B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.

C. Nguồn nước phong phú của 2 hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

D. Kinh nghiệm sản xuất của người dân.

***Câu 28***. Dân số ở Đồng bằng sông Hồng tăng nhanh sẽ dẫn tới :

A. Đất hoang hóa ngày càng mở rộng.

B. Đất chuyên dùng ngày càng thu hẹp.

C. Đất lâm nghiệp ngày một giảm.

D. Bình quân đất nông nghiệp/đầu người ngày một thấp.

***Câu 29:*** Nguyên nhân chính gây ra hiện tượng lũ ống, lũ quét ở Tây Bắc là do :

A. Địa hình núi cao, cắt xẻ dữ dội.

B. Các dòng chảy có hướng đào lòng về phía thượng lưu.

C. Rừng bị tàn phá mạnh.

D. Mưa mùa tập trung với cường độ lớn.

***Câu 30:*** Công nghiệp điện phát triển mạnh ở Trung du miền núi Bắc Bộ dựa trên thế mạnh về:

A. Nguồn lao động dồi dào, có chất lượng.

B. Nguồn thủy năng và nguồn than phong phú.

C. Cơ sở hạ tầng hoàn thiện và đồng bộ.

D. Mạng lưới công nghiệp dày đặc và rộng khắp.

***Câu 31:*** Tại sao khu vực Tây Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc yếu hơn khu vực Đông Bắc nhưng mùa đông vẫn rất lạnh?

A. Do chịu nhiều ảnh hưởng của biển.

B. Do đây là khu vực có nền địa hình cao.

C. Do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam.

D. Do ảnh hưởng của Tín phong Bắc bán cầu.

***Câu 32:*** Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Trung du miền núi Bắc Bộ nhằm:

A. Hạ tỉ lệ tăng dân số của vùng này.

B. Tăng dần tỉ lệ dân thành thị trong cơ cấu dân số.

C. Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.

D. Phát huy truyền thống sản xuất của các dân tộc ít người.

***Câu 33:*** Việc đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ đầu nguồn ở Trung du miền núi Bắc Bộ có tác dụng:

A. Chắn gió, chắn bão.

B. Hạn chế nạn cát lấn, cát bay.

C. Chắn sóng, nuôi trồng thủy sản.

D. Hạn chế tác hại của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

***Câu 34:*** Hạn chế lớn nhất của Đồng bằng sông Hồng trong việc phát triển kinh tế - xã hội là :

A. Những tai biến do thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa gây ra.

B. Cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm, nông nghiệp còn chiếm tỉ trọng lớn.

C. Mật độ dân số quá cao gây sức ép lên đời sống kinh tế - xã hội.

D. Tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái, thiếu hầu hết các nguồn nguyên liệu.

***Câu 35:*** Vấn đề nào sau đây ***không phải*** là vấn đề bức xúc của vùng Đồng bằng sông Hồng?

A. Sử dụng đất.

B. Ô nhiễm môi trường.

C. Dư thừa lao động.

D. Kinh nghiệm sản xuất lương thực.

***Câu 36:*** Việc sát nhập tỉnh Hà Tây vào địa phận thành phố Hà Nội (ngày 1-8-2008) là một trong những biểu hiện của quá trình:

A. Đô thị hóa.

B. Đô thị hóa tự phát.

C. Mở cửa hội nhập.

D. Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.

***Câu 37:*** Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu kinh tế theo ngành của Đồng bằng sông Hồng năm 1990 và năm 2005 (Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khu vực kinh tế | Năm 1990 | Năm 2005 |
| Nông, lâm, ngư nghiệp | 45,6 | 25,1 |
| Công nghiệp – xây dựng | 22,7 | 29,9 |
| Dịch vụ | 31,7 | 45,0 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu kinh tế theo ngành của Đồng bằng sông Hồng năm 1990 và 2005 là

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ đường.

D. Biểu đồ tròn.

***Câu 38.***Cho bảng số liệu sau:

Diện tích đất nông nghiệp, dân số của cả nước và Đồng bằng sông Hồng, năm 2002

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Đất nông nghiệp  (nghìn ha) | Dân số  (triệu người) |
| Cả nước | 9406,8 | 79,7 |
| Đồng bằng sông Hồng | 855,2 | 17,5 |

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 9, trang 95)

So sánh tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp và dân số của Đồng bằng sông Hồng so với cả nước, kết quả nào sau đây là đúng?

A. Đất nông nghiệp lớn hơn dân số.

B. Đất nông nghiệp nhỏ hơn dân số.

C. Đất nông nghiệp bằng dân số.

D. Đất nông nghiệp và dân số đều cao.

***Câu 39:*** Tại sao trong định hướng phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng lại chú trọng đến việc hình thành và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm?

A.Để khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào.

B.Để thu hút triệt để nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

C.Để sử dụng có hiệu quả thế mạnh về tự nhiên và con người.

D.Để tận dụng thế mạnh về tiềm năng thuỷ điện và khoáng sản.

***Câu 40:***

Cho biểu đồ sau: CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, GIAI ĐOẠN 1986 – 2005 (Đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khu vực kinh tế | 1986 | 1990 | 1995 | 2000 | 2005 |
| Nông – lâm – ngư nghiệp | 49,5 | 45,6 | 32,6 | 29,1 | 25,1 |
| Công nghiệp – xây dựng | 21,5 | 22,7 | 25,4 | 27,5 | 29,9 |
| Dich vụ | 29,0 | 31,7 | 42,0 | 43,4 | 45,0 |

Cơ cấu kinh tế theo ngành ở ĐBSH đang chuyển dịch theo hướng

A. Giảm tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ.

B. Tăng tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp, giảm tỉ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ.

C. Tăng tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp và công nghiệp xây dựng, giảm tỉ trọng dịch vụ.

D. Giảm tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp và dịch vụ, tăng tỉ trọng công nghiệp xây dựng.